TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Quý
Ông Quách Hà Vính
***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Ngọc N; sinh năm: 1982; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị P; sinh năm: 1980; cư trú tại: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt anh N, vắng mặt chị P. Chị P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2017 và tại bản tự khai ngày 19/12/2017, anh Hoàng Ngọc N trình bày: anh và chị Bùi Thị P kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 11/12/2006 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Vợ chồng chung sống hoà thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm. Năm 2007, khi anh bị bệnh, nằm liệt giường thì chị P bỏ mặc anh, bế con về nhà bố mẹ sinh sống. Anh có động viên để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị P không chịu về. Từ đó đến nay, vợ chồng anh sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Thu Tr, sinh ngày 12/01/2008. Hiện cháu đang ở với chị P. Nếu ly hôn, anh giao cháu Tr cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2018 cho tới khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ chị Bùi Thị P để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh N nhưng chị P không có mặt nên không có lời khai của chị P và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị Bùi Thị P không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị P theo quy định tại khoản 3 điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Chị P đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị P đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ chị P lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị P vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về hôn nhân: Anh Hoàng Ngọc N và chị Bùi Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2006 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập chị P lên làm việc để chị P được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng chị P đều không có mặt, thể hiện chị P không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ anh N, chị P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh N được ly hôn chị P.

[3] Về con cái: Anh Hoàng Ngọc N và chị Bùi Thị P có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Thu Tr, sinh ngày 12/01/2008. Xét thấy, hiện tại cháu Tr đang ở cùng chị P, cháu cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Tr. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh N, giao cháu Tr cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có mức thu nhập hàng tháng là 3.000.000đ, xét yêu cầu của anh N là hợp lý, nên buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 03/2018 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Anh N không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Về hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Ngọc N được ly hôn chị Bùi Thị P.

Về con cái: Giao cháu Hoàng Thị Thu Tr, sinh ngày 12/01/2008 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 03/2018 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Từ khi chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án

Về án phí: Anh Hoàng Ngọc N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2015/0002162 ngày 12/12/2017. Anh N còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh N, vắng mặt chị P. Anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc